

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 642 /GPMT-BQL

Hải Phòng, ngày 21 tháng 02 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường 2020;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 17/2023/QĐ-UBND ngày 21/6/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố thành phố Hải Phòng ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 2469/QĐ-UBND ngày 01/8/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ủy quyền cho Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng tổ chức, thực hiện thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi Giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 4356/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ thuộc thẩm quyền của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;

Căn cứ Giấy phép môi trường số 6222/GPMT-BQL ngày 26/12/2023 do Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp cho dự án “Dự án sản xuất phụ tùng ô tô DM tại Việt Nam” 1 Giai đoạn 1 do Công ty TNHH Phụ tùng ô tô Daimay Việt Nam làm chủ đầu tư;

Xét Văn bản số 03/GPMT-DMVN ngày 26/12/2023 của Công ty TNHH Phụ tùng ô tô Daimay Việt Nam về đề nghị cấp lại Giấy phép môi trường và hồ sơ kèm theo; Văn bản số 04/CVMT-DMVN ngày 02/02/2024 của Công ty TNHH Phụ tùng ô tô Daimay Việt Nam về việc chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đề xuất cấp lại Giấy phép môi trường kèm theo hồ sơ đã hoàn thiện của dự án “Dự án sản xuất phụ tùng ô tô DM tại Việt Nam”;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Phụ tùng ô tô Daimay Việt Nam, địa chỉ tại lô đất CN7.2A, khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 2) (Deep C2A), phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Dự án sản xuất phụ tùng ô tô DM tại Việt Nam” tại nhà xưởng RBF.C1 và RBF.C2 (thuê lại của Công ty TNHH Phát triển công nghiệp BW Đông Hải), lô CN4-02, khu phi thuế quan và khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 1) và lô CN7.2A, khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 2) (Deep C2A), phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở:

1.1. Tên dự án đầu tư: Dự án sản xuất phụ tùng ô tô DM tại Việt Nam.

1.2. Địa điểm hoạt động: nhà xưởng RBF.C1 và RBF.C2 (thuê lại của Công ty TNHH Phát triển công nghiệp BW Đông Hải), lô CN4-02, khu phi thuế quan và khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 1) và lô CN7.2A, khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 2) (Deep C2A), phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: 7617420414 do Ban quản lý khu kinh tế Hải Phòng cấp chứng nhận lần đầu ngày 23/08/2023, chứng nhận điều chỉnh lần thứ nhất ngày 02/10/2023.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 0202213307 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp đăng ký lần đầu ngày 07/09/2023. Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh số 00001 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp đăng ký lần đầu ngày 21/10/2023.

1.4. Mã số thuế: 0202213307

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất thanh điều chỉnh của gối tựa đầu ô tô, hộp đựng dụng cụ EV, gối tựa đầu ô tô, phần lõi của ghế tựa đầu ô tô và khung của tấm che nắng ô tô.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư/cơ sở:

Giai đoạn 1:

- Địa chỉ thực hiện dự án: Nhà xưởng RBFC1 và RBFC2 (thuê lại của Công ty TNHH Phát triển công nghiệp BW Đông Hải), lô CN4-02, khu phi thuế quan và khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 1), phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

- Diện tích: 6.749,78 m².

- Công suất sản phẩm: Tổng công suất: 20.700.000 sản phẩm/năm (tương đương 1.320 tấn/năm), trong đó:

+ Thanh điều chỉnh của gối tựa đầu ô tô: 20.000.000 sản phẩm/năm (tương đương 600 tấn/năm).

+ Hộp đựng dụng cụ EV: 500.000 sản phẩm/năm (tương đương 400 tấn/năm).

+ Gói tựa đầu ô tô: 200.000 sản phẩm/năm (tương đương 320 tấn/năm).

Giai đoạn 2:

- Địa chỉ thực hiện dự án: Lô đất CN7.2A, khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 2) (Deep C2A), phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

- Diện tích: 33.282 m².

- Công suất sản phẩm: Tổng công suất: 26.000.000 sản phẩm/năm (tương đương 3.860 tấn/năm), trong đó:

+ Thanh điều chỉnh của gói tựa đầu ô tô: 20.000.000 sản phẩm/năm (tương đương 600 tấn/năm).

+ Hộp đựng dụng cụ EV: 2.000.000 sản phẩm/năm (tương đương 1.600 tấn/năm).

+ Phần lõi của ghế tựa đầu ô tô: 2.000.000 sản phẩm/năm (tương đương 1.400 tấn/năm).

+ Khung của tấm che nắng ô tô: 2.000.000 sản phẩm/năm (tương đương 260 tấn/năm).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Thực hiện yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Thực hiện yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Phụ tùng ô tô Daimay Việt Nam:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH Phụ tùng ô tô Daimay Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Công khai Giấy phép môi trường, thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

2.5. Lập và gửi Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải về Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng để được kiểm tra, giám sát và thực hiện các bước tiếp theo theo quy định.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép:

Giai đoạn 1: từ ngày tháng năm 2024 đến ngày 24 tháng 03 năm 2026. (theo đề xuất của Chủ dự án và thời hạn Hợp đồng thuê công trình xây dựng số BWDH/PLC/23001 ngày 22/09/2023 giữa Công ty TNHH Phụ tùng ô tô Daimay Việt Nam với Công ty TNHH Phát triển công nghiệp BW Đông Hải).

Giai đoạn 2: 10 năm (từ ngày *11* tháng *11* năm 2024 đến ngày *11* tháng *11* năm 2034).

Điều 4. Giấy phép có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật. / *ng*

Nơi nhận:

- UBND TP (để b/c);
- Lãnh đạo Ban;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Các UBND: phường Đông Hải 2; quận Hải An
- Công ty TNHH Phụ tùng ô tô Daimay Việt Nam;
- Công ty TNHH Phát triển CN BW Đông Hải;
- Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Sao Đỏ;
- Công ty CP Khu công nghiệp Hải Phòng;
- Công ty CP Khu công nghiệp Đình Vũ;
- Các Phòng: TNMT, QHXD, QLĐT, DN&GSĐT, VPĐD;
- Cổng TTĐT BQLKKT;
- Lưu: VT.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Bùi Ngọc Hải

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số. 694/GPMT-BQL ngày 11 tháng 02 năm 2024 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

A. GIAI ĐOẠN 1

I. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (do nước thải sau xử lý sơ bộ được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu phi thuế quan và khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 1), không xả ra môi trường).

- Công ty TNHH Phụ tùng ô tô Daimay Việt Nam đã ký Hợp đồng thuê công trình xây dựng số BWDH/PLC/23001 ngày 22/09/2023 với Công ty TNHH Phát triển công nghiệp BW Đông Hải (toàn bộ nước thải từ Công ty TNHH Phụ tùng ô tô Daimay Việt Nam được thu gom về hệ thống thoát nước chung của Công ty TNHH Phát triển công nghiệp BW Đông Hải, sau đó thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu phi thuế quan và khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 1) do Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Sao Đỏ làm chủ đầu tư).

II. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh được thu gom, xử lý sơ bộ tại 02 bể tự hoại (mỗi bể có dung tích 9 m³), sau đó cùng nước rửa tay chân theo đường ống dẫn vào hệ thống thoát nước chung của Công ty TNHH Phát triển công nghiệp BW Đông Hải, sau đó chảy vào hệ thống thu gom nước thải chung của khu phi thuế quan và khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 1) về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu phi thuế quan và khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 1).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

(Nước thải từ nhà vệ sinh → bể tự hoại) + nước rửa tay chân → hố ga thu gom → hệ thống thoát nước chung của Công ty TNHH Phát triển công nghiệp BW Đông Hải → hệ thống thu gom nước thải chung của khu phi thuế quan và khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 1) → hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu phi thuế quan và khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 1).

- Công suất thiết kế: 02 bể tự hoại (dung tích $9\text{m}^3/\text{bể}$).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ khu vực xử lý nước thải và hệ thống thoát nước.

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: không quá 06 tháng kể từ thời điểm dự án bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

- 02 bể tự hoại 3 ngăn (dung tích $9\text{m}^3/\text{bể}$).

2.3. Vị trí lấy mẫu:

- Mẫu nước thải tại hố ga 1 của Nhà xưởng RBFC1 và RBFC2 trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước của khu nhà xưởng cho thuê (của Công ty TNHH Phát triển công nghiệp BW Đông Hải). Toạ độ: X(m) = 2302344 ; Y(m) = 610323.

- Mẫu nước thải tại hố ga 2 của Nhà xưởng RBFC1 và RBFC2 trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước của khu nhà xưởng cho thuê (của Công ty TNHH Phát triển công nghiệp BW Đông Hải). Toạ độ: X(m) = 2302318 ; Y(m) = 610325.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $105^{\circ}45'$ múi chiếu 3°).

2.4. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Stt	Vị trí	Thông số giám sát	Tiêu chuẩn so sánh
1	Mẫu nước thải tại hố ga 1 của Nhà xưởng RBFC1 và RBFC2 trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước của Khu nhà xưởng cho thuê (của Công ty TNHH Phát triển công nghiệp BW Đông Hải).	pH, BOD ₅ , TSS, Sunfua, Amoni, tổng Nitơ, tổng Phospho, hoạt động bề mặt, Coliforms.	Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào của khu phi thuế quan và khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 1)

2	Mẫu nước thải tại hố ga 2 của Nhà xưởng RBFC1 và RBFC2 trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước của Khu nhà xưởng cho thuê (của Công ty TNHH Phát triển công nghiệp BW Đông Hải).	pH, BOD ₅ , TSS, Sunfua, Amoni, tổng Nitơ, tổng Phospho, hoạt động bề mặt, Coliforms.	Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào của khu phi thuế quan và khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 1)
---	--	--	---

2.5. Tần suất lấy mẫu:

Đảm bảo ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý nước thải theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của cơ sở, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của khu phi thuế quan và khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 1), không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm của Chủ dự án quy định tại Khoản 7 và Khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở.

B. GIAI ĐOẠN 2

I. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (do nước thải sau xử lý sơ bộ được thu gom về hệ thống thoát nước chung của khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 2) (Deep C2A), sau đó, thu gom về trạm xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Đình Vũ, không xả ra môi trường).

- Công ty TNHH Phụ tùng ô tô Daimay Việt Nam đã ký thoả thuận số HPIP/SM/LET/23/8 ngày 16/11/2023 với Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hải Phòng về việc đầu nối hạ tầng kỹ thuật (toàn bộ nước thải từ Công ty TNHH Phụ tùng ô tô Daimay Việt Nam được thu gom về hệ thống thoát nước chung của khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 2) (Deep C2A), sau đó, thu gom về trạm xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Đình Vũ) (Toàn bộ nước thải từ khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 2) (Deep C2A) tạm thời được thu

gom về trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Đình Vũ theo sự cho phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 1559/BTNM-TCMT ngày 04/4/2019).

(Thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 2) (Deep C2A) khi khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 2) (Deep C2A) xây dựng xong hệ thống xử lý nước thải tập trung riêng).

II. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh được thu gom, xử lý sơ bộ tại 05 bể tự hoại (tổng dung tích 95 m³), nước thải từ khu nhà bếp được thu gom xử lý sơ bộ tại 01 bể tách mỡ (dung tích 15 m³), sau đó cùng nước rửa tay chân theo đường ống dẫn vào bể lắng 3 ngăn (dung tích 33,65 m³). Nước thải sau xử lý dẫn về hố ga cuối đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 2) (Deep C2A), chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Đình Vũ để tiếp tục xử lý đạt tiêu chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường.

(Thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 2) (Deep C2A) khi khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 2) (Deep C2A) xây dựng xong hệ thống xử lý nước thải tập trung riêng).

- Nguồn số 2: Nước làm mát khuôn của máy ép phun nhựa được đưa đến tháp giải nhiệt LiangChi và tuần hoàn tái sử dụng, không thải ra ngoài môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ (Nước thải từ nhà vệ sinh → bể tự hoại) + (Nước thải từ nhà bếp → bể tách mỡ) + nước thoát sàn → bể lắng 3 ngăn → hố ga thu cuối → hệ thống thu gom nước thải chung của khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 2) (Deep C2A) → trạm xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Đình Vũ.

(Thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 2) (Deep C2A) khi khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 2) (Deep C2A) xây dựng xong hệ thống xử lý nước thải tập trung riêng).

+ Nước làm mát khuôn của máy ép phun nhựa có nhiệt độ cao → tháp giải nhiệt LiangChi → tuần hoàn tái sử dụng, không thải ra ngoài môi trường

- Công suất thiết kế:

+ 05 bể tự hoại, tổng dung tích 95 m³ (02 bể tự hoại tại khu vực nhà xưởng, dung tích 30 m³/bể; 02 bể tự hoại tại khu vực nhà văn phòng, dung tích 15 m³/bể; 01 bể tự hoại tại nhà bảo vệ, dung tích 5 m³)

+ 01 bể tách mỡ, dung tích 15 m³

+ 01 bể lắng 3 ngăn, dung tích 33,65 m³

+ 01 tháp giải nhiệt LiangChi

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hồ ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ hệ thống thoát nước.

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: không quá 06 tháng kể từ thời điểm dự án bắt đầu vận hành thử nghiệm

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

+ 05 bể tự hoại, tổng dung tích 95 m³

+ 01 bể tách mỡ, dung tích 15 m³

+ 01 bể lắng 3 ngăn, dung tích 33,65 m³

2.3. Vị trí lấy mẫu:

Mẫu nước thải tại hồ ga cuối trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 2) (Deep C2A). Tọa độ: X(m)= 2300988 ; Y(m)=609175

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45' múi chiếu 3°).

2.4. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Vị trí	Thông số giám sát	Tiêu chuẩn so sánh
Mẫu nước thải tại hồ ga cuối trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 2) (Deep C2A)	pH, BOD ₅ , TSS, TDS, Sunfua, Amoni, Nitrat, dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat, tổng Coliforms.	Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào của khu công nghiệp Đình Vũ (Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu

		vào của khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 2) (Deep C2A) khi khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 2) (Deep C2A) xây dựng xong hệ thống xử lý nước thải tập trung riêng.)
--	--	--

2.5. Tần suất lấy mẫu:

Đảm bảo ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý nước thải theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của cơ sở, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của khu công nghiệp Đình Vũ/khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 2) (Deep C2A) khi khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 2) (Deep C2A) xây dựng xong hệ thống xử lý nước thải tập trung riêng, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm của Chủ dự án quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.4 Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở.

3.5. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom nước thải chung của khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 2) (Deep C2A) về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Đình Vũ/khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 2) (Deep C2A) khi khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 2) (Deep C2A) xây dựng xong hệ thống xử lý nước thải tập trung riêng.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ~~694~~/GPMT-BQL ngày ~~21~~ tháng 12 năm 2024 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

A. GIAI ĐOẠN 1

Dự án không thuộc đối tượng cấp phép do không có công trình thu gom, xử lý khí thải.

B. GIAI ĐOẠN 2

I. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- 01 nguồn: Khí thải phát sinh từ 38 máy ép phun nhựa.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải: 01 dòng

Ống thoát khí chung sau hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ 38 máy ép phun nhựa. Toạ độ: X(m)= 2300961; Y(m) = 609043

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°45' múi chiều 3°).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 40.000 m³/giờ

2.2.1. Phương thức xả khí thải: khí thải sau xử lý được xả ra ngoài môi trường qua ống thoát khí, xả liên tục.

2.2.2 Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	mg/Nm ³	-		Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục theo quy định tại Khoản 2, Điều 98, Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính Phủ
2	Etylen oxyt	mg/Nm ³	20	06 tháng/lần (Theo đề xuất của chủ dự án)	

II. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để

đưa về hệ thống xử lý khí thải:

Khí thải từ khu vực máy ép phun được thu gom bằng chụp hút, sau đó theo đường ống dẫn khí vào hệ thống xử lý khí thải bằng phương pháp hấp phụ than hoạt tính để xử lý. Khí sạch được xả ra ngoài môi trường qua ống thoát khí.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải từ 38 máy ép phun nhựa → đường ống dẫn → tháp hấp phụ than hoạt tính → quạt hút → ống thoát khí.

- Công suất thiết kế: 40.000 m³/h.

- Hoát chất, vật liệu sử dụng: than hoạt tính (thay thế định kỳ 06 tháng/lần).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động được quy định tại Khoản 2, Điều 98, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ kiểm tra, theo dõi thiết bị bảo đảm hệ thống xử lý khí thải hoạt động ổn định.

- Đào tạo đội ngũ người lao động nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Khi xảy ra sự cố, dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, tìm nguyên nhân sửa chữa, khắc phục kịp thời. Trường hợp xảy ra sự cố, sửa chữa mất nhiều thời gian, phải dừng sản xuất cho tới khi khắc phục được sự cố, bảo đảm không được gây ô nhiễm môi trường không khí.

- Đối với sự cố lớn, thông báo cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để có biện pháp xử lý, khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: không quá 06 tháng kể từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

- 01 hệ thống xử lý khí thải từ 38 máy ép phun nhựa.

2.3. Vị trí lấy mẫu:

Ống thoát khí chung sau hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ 38 máy ép phun nhựa. Toạ độ: X(m)= 2300961; Y(m) = 609043

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°45' múi chiều 3°).

2.4. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giới hạn cho phép theo QCVN 20:2009/BTNMT
1	Lưu lượng	mg/Nm ³	-

2	Etylen oxyt	mg/Nm ³	20
---	-------------	--------------------	----

2.5. Tần suất lấy mẫu:

Đảm bảo ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý khí thải theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại điểm 2.2.2, Mục I phần B Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

- Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý khí thải

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm của Chủ dự án quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Thực hiện quan trắc môi trường định kỳ theo đúng cam kết.

- Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép môi trường này ra môi trường. Chịu trách nhiệm về việc đảm bảo môi trường lao động theo quy định của Bộ Y tế.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: ~~442~~/GPMT-BQL ngày ~~11~~ tháng ~~12~~ năm 2024
của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

I. GIAI ĐOẠN 1

1. Nguồn phát sinh:

- Nguồn số 01: Khu vực phòng máy lắp ráp thanh điều chỉnh gối tựa đầu.
- Nguồn số 02: Khu vực may.
- Nguồn số 03: Khu vực cắt vải.
- Nguồn số 04: Khu vực lắp ráp, bắt vít gối tựa đầu.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ: X(m) = 2302356; Y(m) = 610359.
- Nguồn số 02: Tọa độ: X(m) = 2302339; Y(m) = 610329.
- Nguồn số 03: Tọa độ: X(m) = 2302314; Y(m) = 610329.
- Nguồn số 04: Tọa độ: X(m) = 2302340; Y(m) = 610346.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ} 45'$, múi chiều 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT đối với tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT đối với độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường
QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn				

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung

II. GIAI ĐOẠN 2:

1. Nguồn phát sinh:

- Nguồn số 01: Khu vực phòng máy lắp ráp thanh điều chỉnh gối tựa đầu.
- Nguồn số 02: Khu vực may.
- Nguồn số 03: Khu vực cắt vải.
- Nguồn số 04: Khu vực lắp ráp, bắt vít lõi của ghế tựa đầu ô tô.
- Nguồn số 05: Khu vực dập, ép định hình các linh kiện thép.
- Nguồn số 06: Khu vực hàn các chi tiết của sản phẩm lõi ghế tựa đầu ô tô.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ: X(m)= 2300968; Y(m)= 609087.
- Nguồn số 02: Tọa độ: X(m)= 2300931; Y(m)= 609099.
- Nguồn số 03: Tọa độ: X(m)= 2300963; Y(m)= 609102.
- Nguồn số 04: Tọa độ: X(m)= 2300946; Y(m)= 609061.
- Nguồn số 05: Tọa độ: X(m)= 2300943; Y(m)= 609092.
- Nguồn số 05: Tọa độ: X(m)= 2300920; Y(m)= 609109.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105° 45', múi chiếu 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT đối với tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT đối với độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường
QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn				

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường
QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung				

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.
- Kiểm tra thường xuyên độ cân bằng của máy móc, thiết bị (khi lắp đặt và định kỳ trong quá trình hoạt động); kiểm tra độ mòn chi tiết và định kỳ bảo dưỡng.
- Trang bị bảo hộ lao động chuyên dùng: quần áo bảo hộ, nút tai chống ồn cho người lao động làm việc ở các vị trí có mức ồn và độ rung lớn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường và yêu cầu khác:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục 3 Phần A Phụ lục này.

2.2. Tuân thủ các tiêu chuẩn về tiếng ồn, độ rung tại nơi làm việc theo quy định hiện hành.

2.3. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số.../GPMT-BQL ngày... tháng... năm 2024
của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

I. GIAI ĐOẠN 1

1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	21	16 01 06	NH
2	Ắc quy thải	Rắn	120	16 01 12	NH
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	435	17 02 03	NH
4	Bao bì kim loại cứng thải	Rắn	80	18 01 02	KS
5	Bao bì nhựa cứng thải	Rắn	100	18 01 03	KS
6	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	456	18 02 01	KS
Tổng			1.212		

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh bao gồm: linh kiện, phụ kiện hỏng, sản phẩm hỏng (từ quá trình sản xuất, lắp ráp); bavia thừa (vải, mút xốp thừa); chỉ thừa; thùng bìa carton, túi nilon thải;... khoảng 173,072 tấn/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 1.453,4 kg/tháng.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa (dung tích 150 lít/thùng) có nắp đậy tương ứng với các mã CTNH phát sinh đáp ứng các yêu cầu theo quy định về phân loại, thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại quy định tại Khoản 5, Điều 35, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT

ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường năm 2020.

- Kho lưu chứa: Bố trí 01 kho lưu giữ, diện tích 6 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu giữ chất thải nguy hại được xây tôn mạ màu khép kín, có mái che, nền bê tông chống thấm, công trình phòng chống sự cố rò rỉ CTNH dạng lồng ra bên ngoài. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo quy định, có phân loại từng mã CTNH, trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH được dán nhãn, mã chất thải nguy hại, có thùng phuy chứa cát khô, thiết bị phòng cháy chữa cháy theo quy định. Kho tuân thủ đầy đủ các quy định liên quan đến lưu chứa chất thải nguy hại. Chủ dự án có trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí thiết bị lưu chứa chất thải đáp ứng quy định tại Khoản 1 Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Kho lưu chứa: Bố trí 01 kho lưu giữ, diện tích 6 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Tường bao và mái che, nền bê tông hóa chống thấm. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo quy định đảm bảo các yêu cầu theo quy định tại Khoản 3 Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Chủ dự án có trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy (dung tích 50 – 100 lít/thùng) được bố trí tại khu vực nhà xưởng, nhà văn phòng và khuôn viên xung quanh Nhà máy.

- Kho lưu chứa: Không có.

- Phân loại rác thải sinh hoạt theo Quyết định số 60/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của UBND thành phố Hải Phòng quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố Hải Phòng: Chất thải sinh hoạt được phân loại tại nguồn thành 03 loại: Rác thải có khả năng tái sử dụng, tái chế; rác thải thực phẩm; rác thải sinh hoạt khác. Sau khi phân loại, chất thải sinh hoạt được lưu chứa trong các bao bì/thùng chứa riêng biệt, có dấu hiệu nhận biết từng loại chất thải. Thực hiện các quy định hiện hành khác về phân loại, lưu giữ, chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt.

- Chủ dự án có trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định.

II. GIAI ĐOẠN 2

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Đơn vị (kg/năm)	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại
1	Than hoạt tính (trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	630	12 01 04	NH
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	35	16 01 06	NH
3	Ắc quy	Rắn	50	16 01 12	NH
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	475	17 02 03	NH
5	Bao bì kim loại cứng thải	Rắn	100	18 01 02	KS
6	Bao bì nhựa cứng thải	Rắn	120	18 01 03	KS
7	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	480	18 02 01	KS
Tổng			1.890		

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh bao gồm: linh kiện, phụ kiện hỏng, sản phẩm hỏng (từ quá trình sản xuất, lắp ráp); nhựa cháy; bavia thép; dao chặt thay thế từ máy cắt vải; bavia thừa (vải, mút xốp thừa); chỉ thừa; thùng bìa carton, túi nilon thải;... khoảng 84,72 tấn/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 6.149 kg/tháng.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa (dung tích 150 lít/thùng) có nắp đậy tương ứng với các mã CTNH phát sinh đáp ứng các yêu cầu theo quy định về phân loại, thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại quy định tại Khoản 5, Điều 35, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Kho lưu chứa: Bố trí 01 kho lưu giữ, diện tích 90 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu giữ chất thải nguy hại được xây dựng khép kín, có mái che, nền bê tông chống thấm, có rãnh và hố thu. Kho lắp đặt biển cảnh

báo theo quy định, có phân loại từng mã CTNH, trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH được dán nhãn, mã chất thải nguy hại, có thùng phuy chứa cát cát khô, thiết bị phòng cháy chữa cháy theo quy định. Kho tuân thủ đầy đủ các quy định liên quan đến lưu chứa chất thải nguy hại. Chủ dự án có trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thi gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí thiết bị lưu chứa chất thải đáp ứng quy định tại Khoản 1 Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Kho lưu chứa: Bố trí 01 kho lưu giữ, diện tích 182 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Tường bao và mái che, nền bê tông hoá chống thấm. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo quy định đảm bảo các yêu cầu theo quy định tại Khoản 3 Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Chủ dự án có trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy (dung tích 50 – 100 lít/thùng) được bố trí tại khu vực nhà xưởng, nhà văn phòng và khuôn viên xung quanh Nhà máy.

- Phân loại rác thải sinh hoạt theo Quyết định số 60/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của UBND thành phố Hải Phòng quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố Hải Phòng: Chất thải sinh hoạt được phân loại tại nguồn thành 03 loại: Rác thải có khả năng tái sử dụng, tái chế; rác thải thực phẩm; rác thải sinh hoạt khác. Sau khi phân loại, chất thải sinh hoạt được lưu chứa trong các bao bì/thùng chứa riêng biệt, có dấu hiệu nhận biết từng loại chất thải: bao bì/thùng chứa màu xanh lá cây (chứa rác thải thực phẩm), bao bì/thùng chứa màu trắng (chứa rác thải có khả năng tái sử dụng, tái chế), bao bì/thùng chứa màu vàng (chứa rác thải sinh hoạt khác). Thực hiện các quy định hiện hành khác về phân loại, lưu giữ, chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt.

- Chủ dự án có trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.



Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 6.71/GPMT-BQL ngày 21 tháng 12 năm 2024 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; chịu trách nhiệm đối với chất thải được chuyển giao.
2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất.
3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.
4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
5. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.